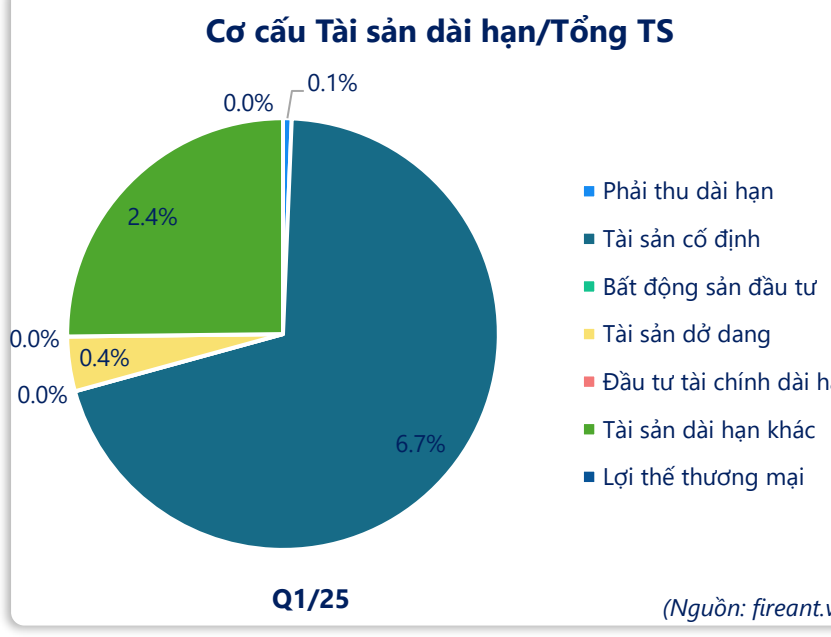
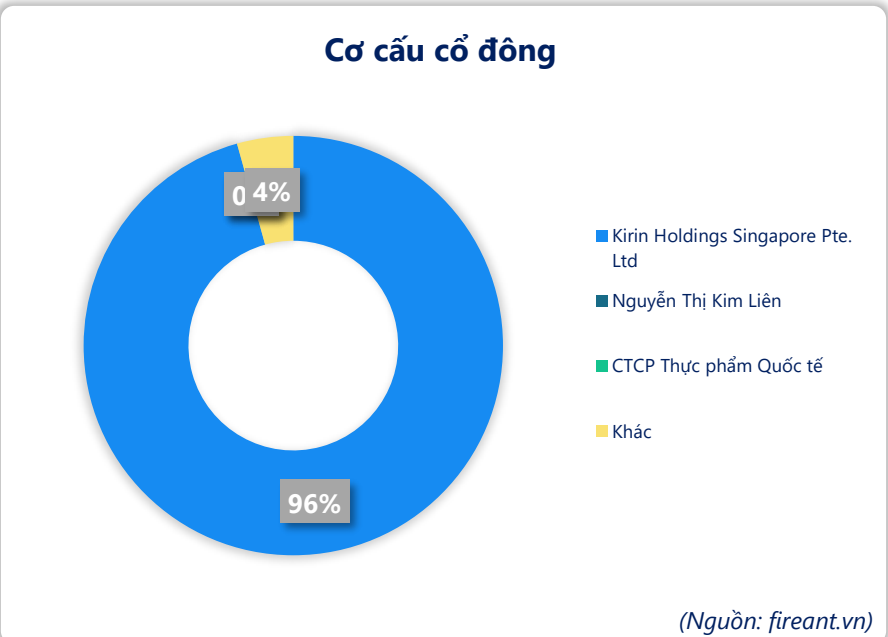
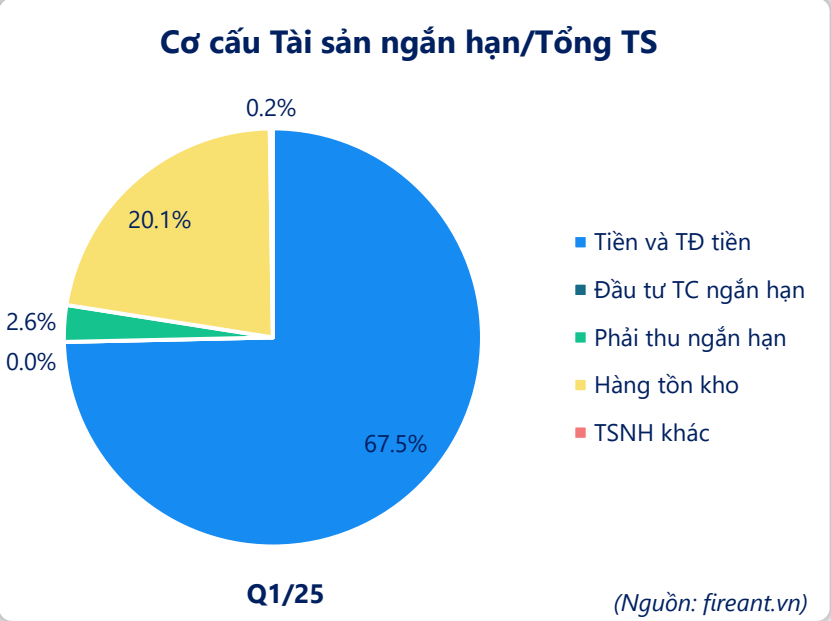
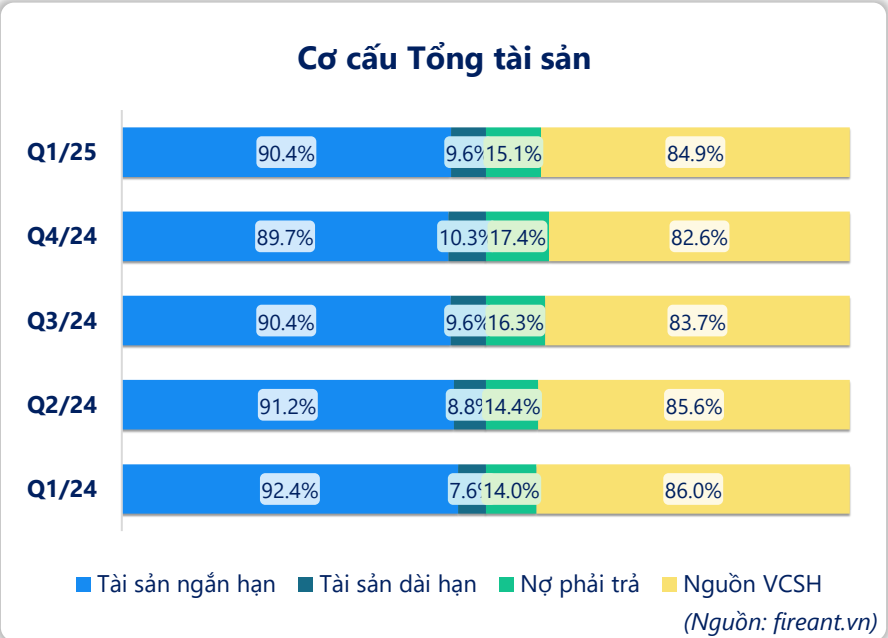
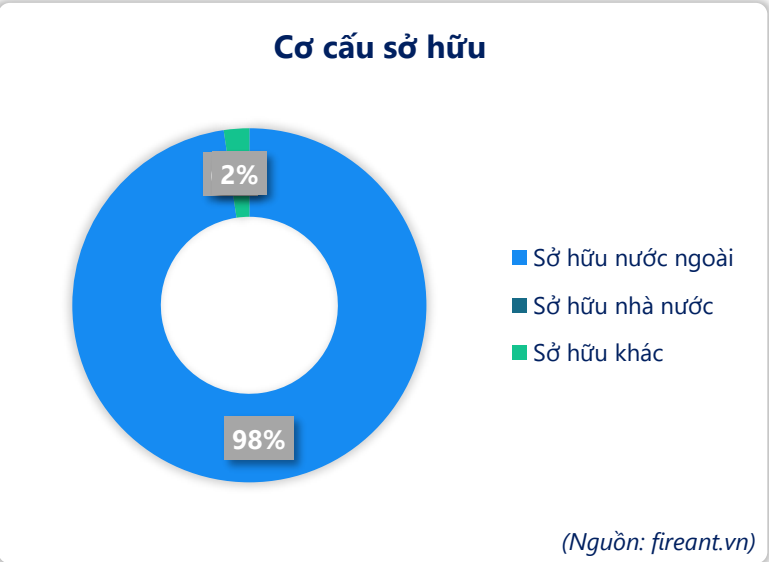
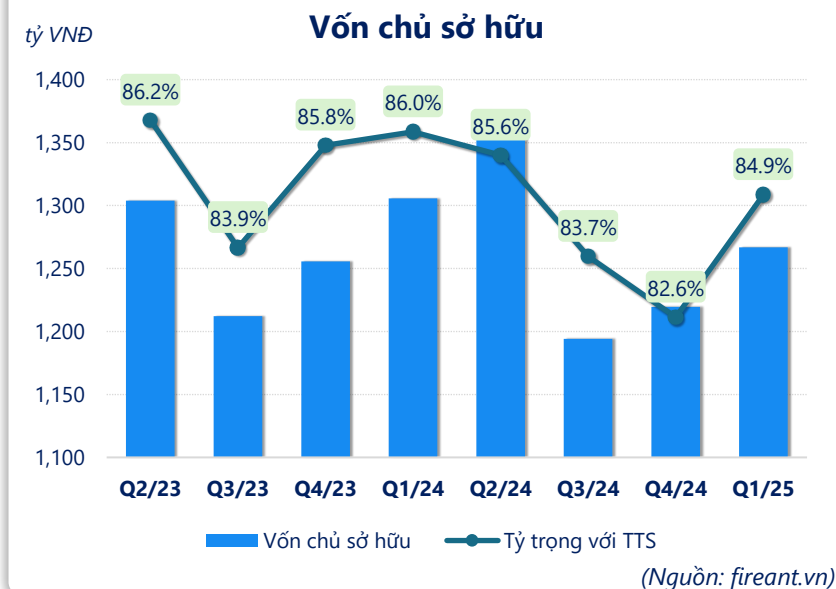
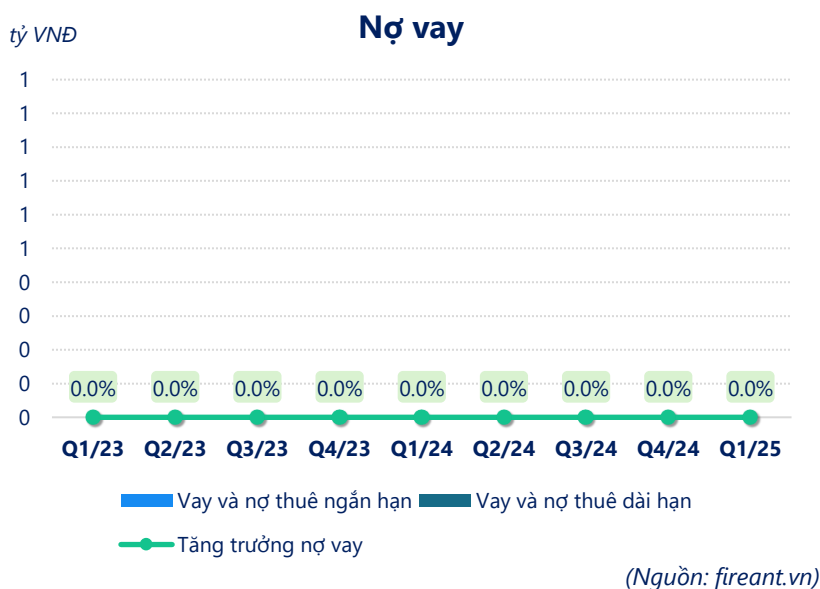
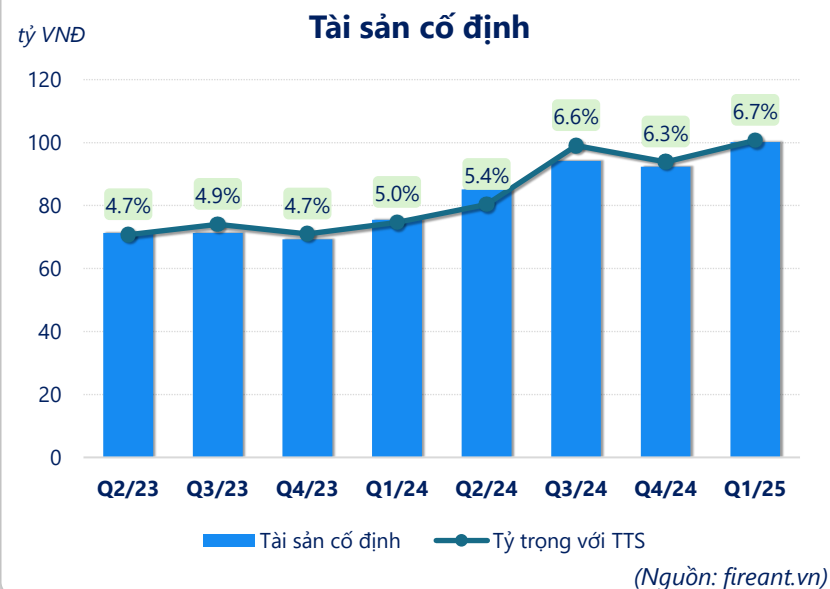
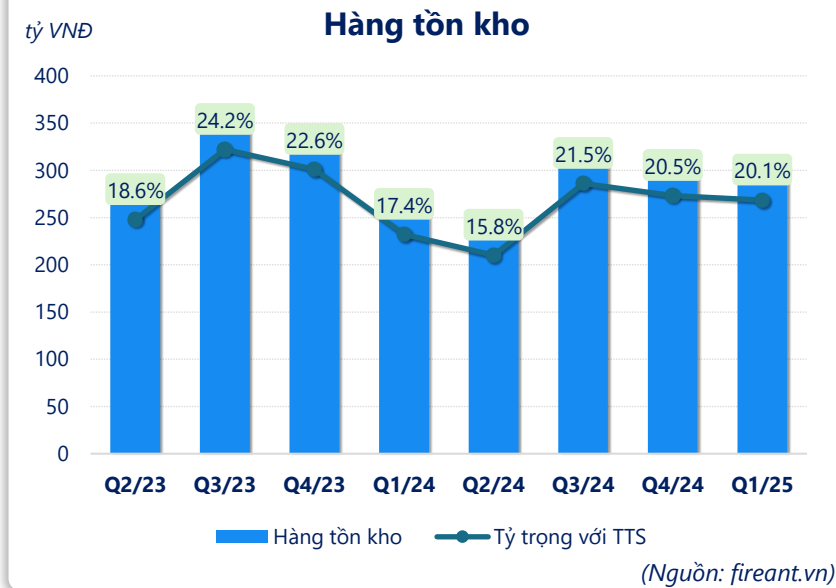
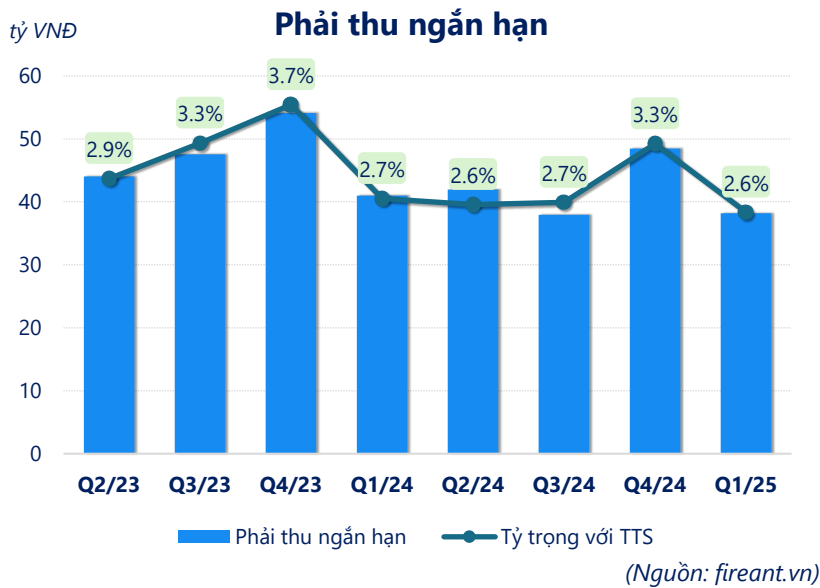
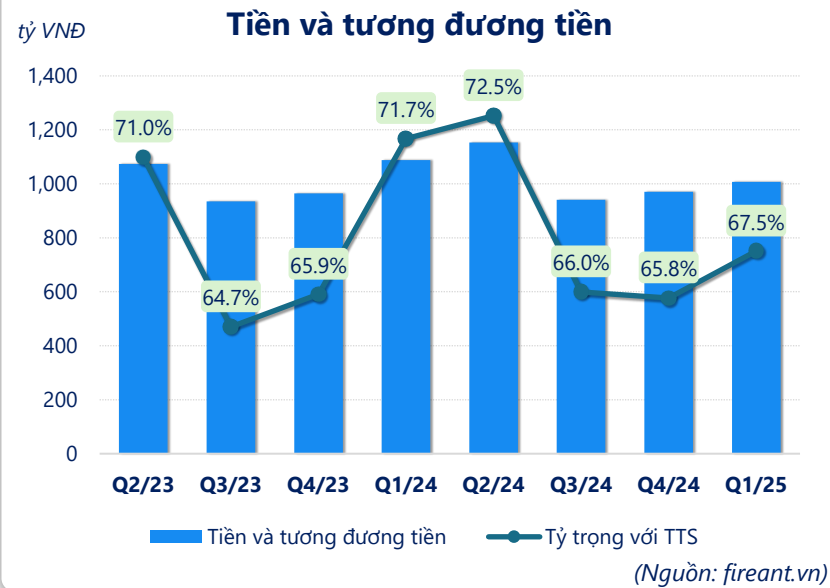
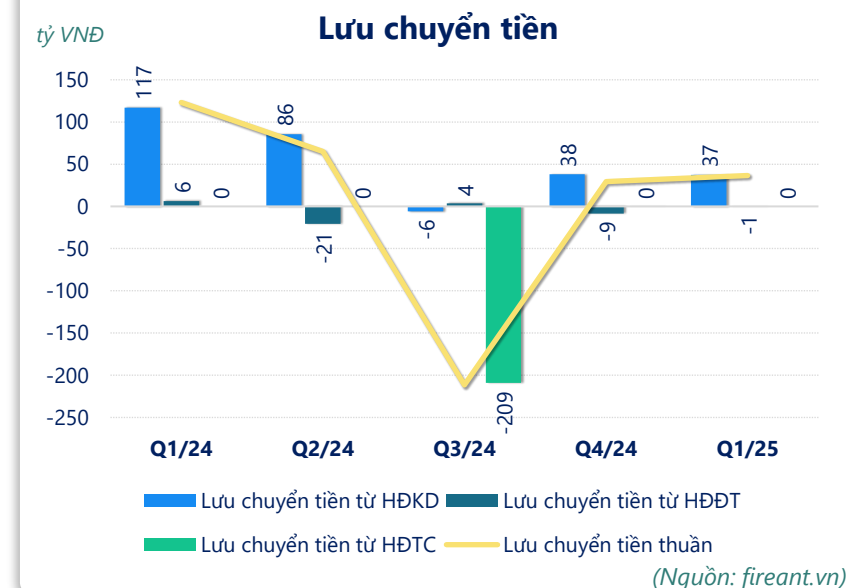
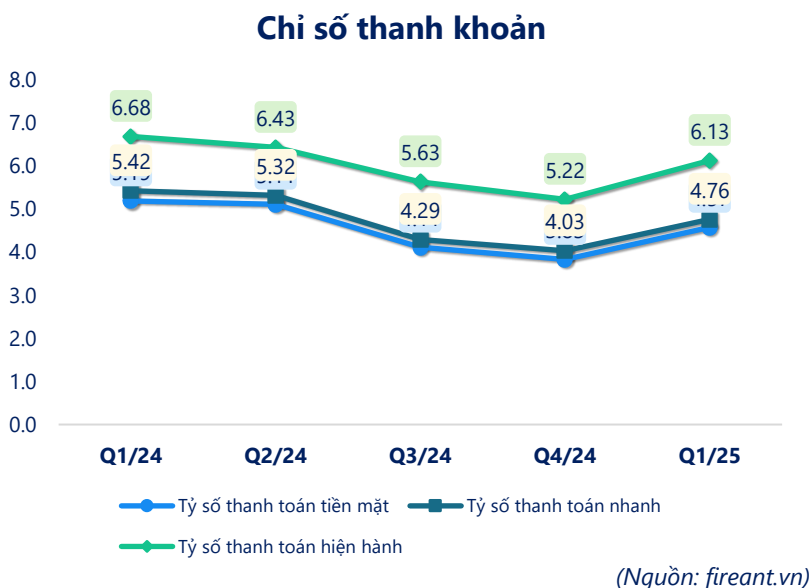
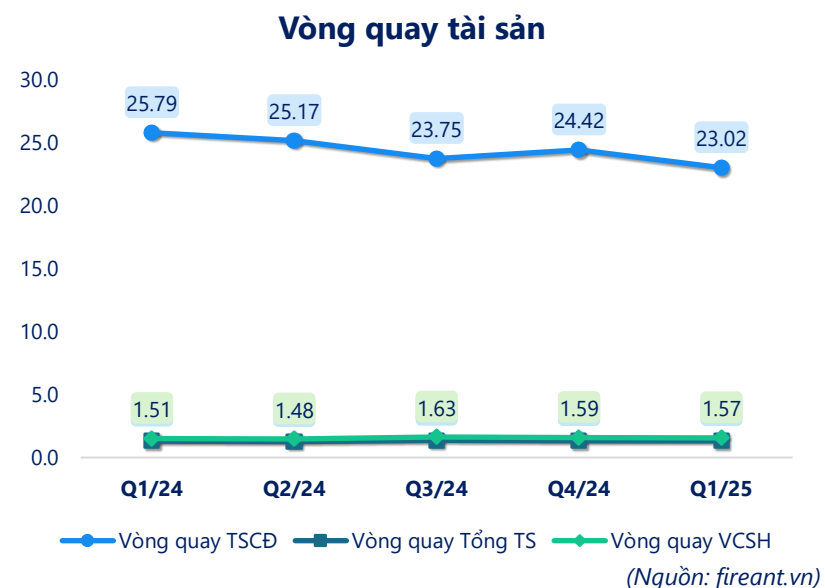
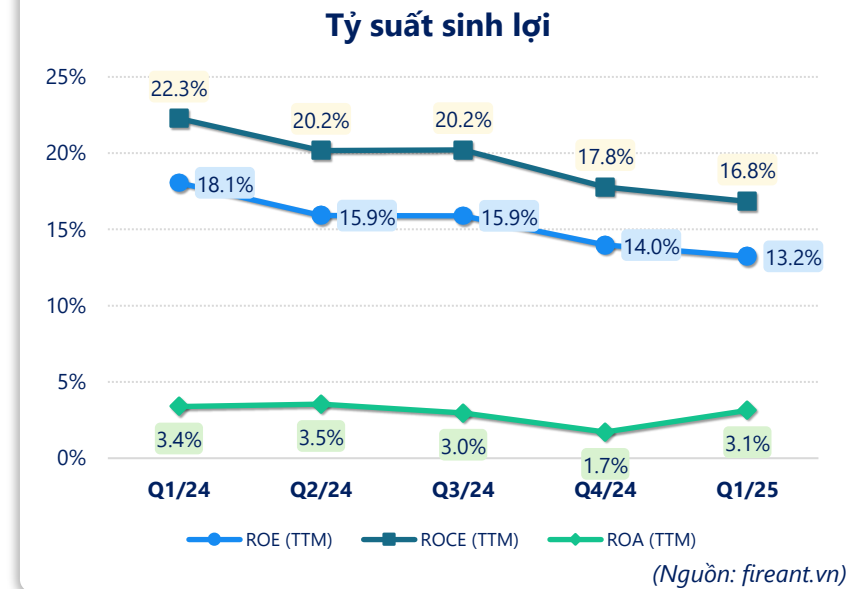
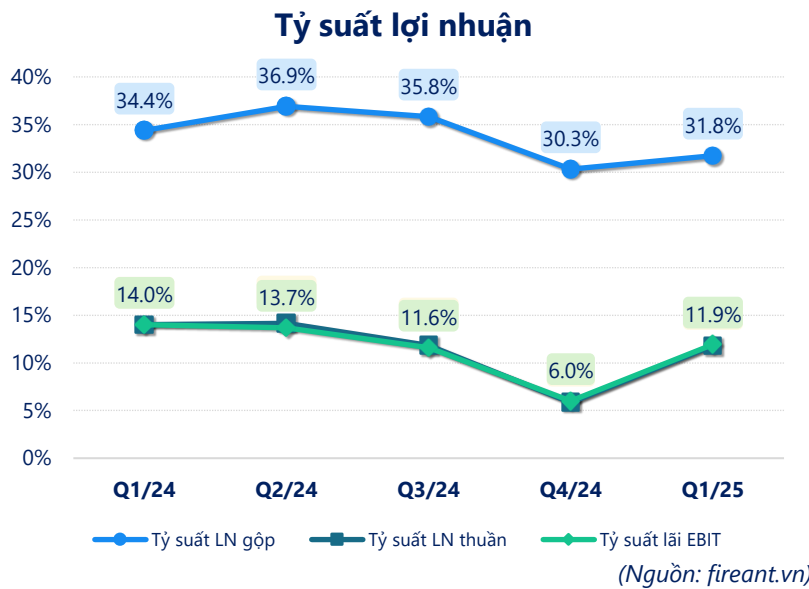
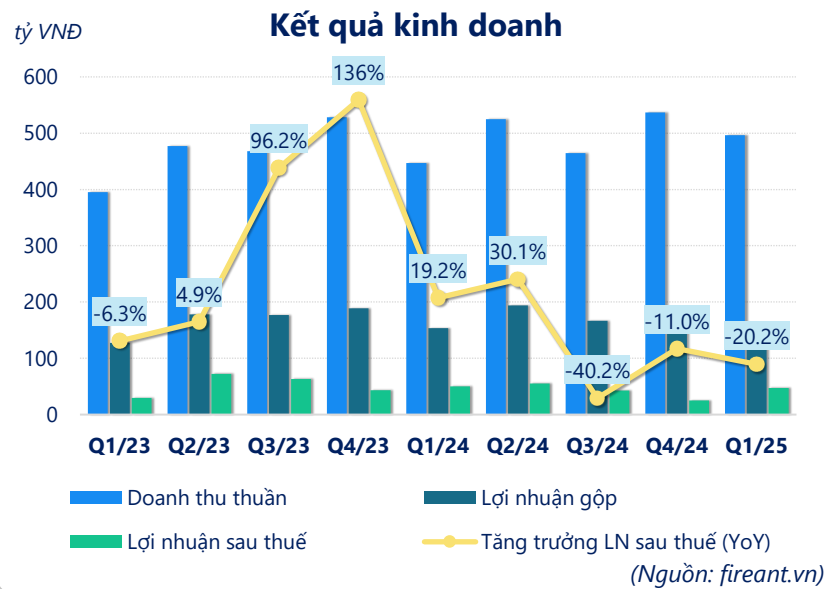


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		25,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		34,256
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,800
SL cổ phiếu LH		87,140,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,775
% sở hữu nước ngoài		97.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,240
P/E		13.2
EPS		1,953

	YTD	1T	3T	6T
IFS	0.8%	-0.4%	-0.4%	-9.8%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,493	1,476	1.1%
Tài sản ngắn hạn	1,350	1,325	1.9%
Tiền và tương đương tiền	1,008	971	3.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	38.2	48.4	-21.2%
Hàng tồn kho	301	303	-0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.28	2.53	29.5%
Tài sản dài hạn	143	152	-5.8%
Phải thu dài hạn	0.93	0.93	0.0%
Tài sản cố định	100	92.4	8.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.85	16.1	-63.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	36.0	42.4	-15.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	226	257	-12.1%
Nợ ngắn hạn	220	254	-13.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	139	148	-6.1%
Nợ dài hạn	5.61	3.39	65.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,267	1,219	3.9%
Vốn chủ sở hữu	1,267	1,219	3.9%
Vốn điều lệ	871	871	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	447	525	465	537	496
Giá vốn hàng bán	293	331	298	374	339
Lợi nhuận gộp	154	194	167	163	158
Doanh thu HĐTC	3.98	4.90	7.01	6.50	7.27
Chi phí TC	0.03	0.20	0.13	0.12	0.14
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	85.8	109	107	125	92.5
Chi phí QLDN	9.14	15.0	11.4	12.5	13.6
LN thuần từ HĐKD	62.7	74.2	55.0	31.4	58.5
Lợi nhuận khác	-0.07	-2.38	-1.08	0.86	0.72
LN trước thuế	62.6	71.8	53.9	32.2	59.2
Lợi nhuận sau thuế	50.0	55.0	42.7	25.2	47.3
LNST của CĐ cty mẹ	50.0	55.0	42.7	25.2	47.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	117	85.5	-5.94	38.1	37.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.10	-20.6	3.64	-8.54	-0.68
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-209	0.03	0
Tiền đầu kỳ	965	1,088	1,153	941	971
Lưu chuyển tiền thuần	123	65.0	-211	29.6	36.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.12	0
Tiền cuối kỳ	1,088	1,153	941	971	1,008

(Nguồn: fireant.vn)